

Phát triển du lịch sinh thái Việt Nam:

Bài học kinh nghiệm từ các quốc gia Đông Nam Á

Lê Thu Hạnh

Học viện Ngân hàng

Tóm tắt: Việt Nam có đặc điểm tự nhiên, khí hậu, hệ thực động vật, văn hoá, xã hội rất phù hợp và nhiều tiềm năng cho việc phát triển du lịch sinh thái, tuy nhiên du lịch sinh thái ở Việt Nam mới được hình thành và phát triển, quy mô còn nhỏ lẻ, chưa có chiến lược phát triển cụ thể cũng như chiến lược kiên kết cho từng vùng. Các quốc gia Đông Nam Á với điều kiện khí hậu, tự nhiên nhiều nét tương đồng đã có nhiều kinh nghiệm phát triển thành công du lịch sinh thái. Bài viết phân tích thực trạng du lịch sinh thái Việt Nam, kinh nghiệm của các quốc gia Thái Lan, Indonesia, Malaysia trong việc phát triển du lịch sinh thái và đề xuất một số giải pháp phát triển du lịch sinh thái Việt Nam.

Từ khoá: Phát triển du lịch, Du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng.

1. Mở đầu

Năm 2012 lượng khách đi du lịch trên toàn thế giới đạt con số 1 tỷ lượt. Năm 2014, con số này đạt tới hơn 1,133 tỷ. Khách đi du lịch nước ngoài tăng 4,3% so với năm 2013. Châu Mỹ ghi nhận lượng khách du lịch quốc tế tăng trưởng cao nhất đến 8%, sau đó là khu vực Châu Á - Thái Bình Dương và Trung Đông với 5% tăng trưởng. Lượng khách du lịch quốc tế đến châu Âu tăng 3%, và cuối cùng là tại Châu Phi với 2%. Bên cạnh cơ hội phát triển, các quốc gia cũng phải đối mặt sự cạnh tranh gay gắt trong việc phát triển các dịch vụ và loại hình du lịch cũng như sự tác động đến hệ sinh thái các khu du lịch tại địa phương. Việc phát triển các loại hình du lịch bền vững, du lịch gắn với trải nghiệm thiên nhiên mà trở thành một xu hướng mới và tất yếu. Phát triển du lịch sinh thái có ý nghĩa quan trọng không những về mặt kinh tế mà còn có ý nghĩa đặc biệt đối với sự phát triển bền vững của du lịch trên khía cạnh trách nhiệm đối với tài nguyên và môi trường.

Nắm được xu thế này, các quốc gia Đông Nam Á nói chung và Việt Nam nói riêng với lợi thế địa lý thiên nhiên ưu đãi, đa dạng về địa hình và hệ động thực vật, nhiều khu vực nguyên sơ chưa khai phá đã và đang có các chiến lược phát triển du lịch sinh thái hiệu quả được triển khai.

2. Kinh nghiệm phát triển du lịch sinh thái ở các quốc gia Đông Nam Á

2.1. Du lịch sinh thái tại Indonesia

Du lịch sinh thái ở Indonesia được định nghĩa là "Các hoạt động du lịch có trách nhiệm trong các khu vực nguyên sơ hoặc trong các khu vực được đặt tên dựa theo vai trò của tự nhiên". Mục đích của các du

lịch sinh thái là: Được tận hưởng vẻ đẹp tự nhiên, liên quan đến giáo dục, hiểu biết và hỗ trợ, bảo tồn, cũng như tăng thu nhập của cộng đồng địa phương. Indonesia cam kết phát triển du lịch sinh thái và du lịch bền vững. Trong kế hoạch phát triển quốc gia, chính phủ Indonesia đã nhấn mạnh việc phát triển du lịch phải dựa trên nguyên tắc bảo vệ và bảo tồn môi trường toàn diện. Trong luật du lịch năm 2009, Indonesia đã đưa ra quy định "Tính bền vững" phải bao gồm các khía cạnh tự nhiên, xã hội, môi trường kinh tế và văn hoá. Năm 2011 Indonesia đã bắt đầu thiết kế và đưa ra hướng dẫn cách phát triển công viên và vườn giải trí như trung tâm giải trí công cộng "PUS-REKMAS". Bắt đầu vào năm 2004, Indonesia cũng đưa ra một hướng dẫn về cách phát triển "nhà ở cộng đồng Xanh" (green homestay) dưới dạng các "doanh nghiệp vừa và nhỏ". Từ năm 2007, Indonesia cũng quy định về việc chấp nhận "Tiêu chuẩn Khách sạn Xanh": một môi trường thân thiện và thông qua các biện pháp bảo tồn năng lượng liên quan đến môi trường chính sách, sản phẩm xanh, trao quyền cho cộng đồng, quản lý chất thải, hiệu quả năng lượng. Các chương trình du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng cũng được phát triển: đáp ứng nhu cầu kinh tế, xã hội, môi trường của địa phương thông qua việc cung cấp các sản phẩm du lịch. Từ năm 2009, Indonesia đã thiết lập bộ tiêu chuẩn hướng dẫn du lịch sinh thái- ECOGUIDE để nâng cao tính chuyên nghiệp, chất lượng của hướng dẫn viên cũng như du lịch sinh thái.

Indonesia tận dụng tối đa về các nguồn tài nguyên du lịch nhân văn để phát triển du lịch sinh thái văn hóa. Các doanh nghiệp du lịch biết lựa chọn những nội dung nội trội đặc sắc về văn hóa của địa phương với sự tham gia chủ động của cộng đồng để tạo ra sản phẩm du lịch văn hóa đáp ứng nhu cầu du khách (trùng tu chùa chiền, đền đài-nhà cửa, khôi phục lễ hội văn hóa truyền

thống). Phát triển du lịch sinh thái dựa trên yếu tố văn hóa đã giúp cho người dân trong cộng đồng tự hào về bản sắc văn hóa của mình hơn, ý thức được du lịch sinh thái không chỉ là công cụ giúp cải thiện điều kiện kinh tế mà còn là công cụ để bảo tồn, được sử dụng để quảng bá triết lý phát triển bền vững.

2.2. Phát triển du lịch sinh thái ở Malaysia

Từ vài thập kỷ trở lại đây, Malaysia đã thành công trong việc định vị mình là top 20 là điểm đến của khách du lịch thế giới. Năm 2014 Malaysia xếp hạng thứ 11 trong các điểm đến du lịch của thế giới (25.7 triệu lượt khách). Malaysia có 54 khu bảo tồn với hơn 1.000 ha, tổng cộng 1, 483 triệu ha. Hoặc khoảng 4,5% bề mặt đất của đất nước. Bao gồm 28 khu bảo tồn thiên nhiên huyện, 90.070 ha. Không được mở cửa cho hoạt động du lịch (Norizan, 2000). Ở cấp độ quốc gia, chính phủ Malaysia rất cam kết với việc phát triển bền vững, thể hiện qua việc quy hoạch các khu bảo tồn quốc gia và chiến lược quốc gia về phát triển du lịch sinh thái và trải nghiệm. Hơn hai thập kỷ trở lại đây Malaysia đã chú trọng và chọn việc phát triển du lịch sinh thái theo xu thế phát triển du lịch của thế giới. Năm 1996, chính phủ Malaysia đã bổ nhiệm Hector Ceballos-Lascurain — người đầu tiên đưa ra khái niệm du lịch sinh thái- thành một trong người tư vấn cho bộ Văn hoá và Du lịch. Năm 2005, Malaysia đã sửa đổi kế hoạch để tạo lợi thế cạnh tranh và phát triển thị trường cho các điểm đến du lịch trên khắp Malaysia với hình thức quảng bá là các điểm đến du lịch sinh thái, như đảo Langkawi, Taman Negara Pahang, công viên Kinabalu and Gua Niah Sarawak. Công viên địa chất Langkawi là công viên địa chất đầu tiên được UNESCO công nhận trên thế giới. Một trong các đặc điểm của du lịch sinh thái Malaysia là du lịch sinh thái văn hoá dưới dạng ở cùng cộng đồng- homestay. Với loại hình này, du khách sẽ được ở và sinh hoạt chung nhà với người dân bản địa như là thành viên trong gia đình để khám phá phong cách sống của người dân nơi đây, trải nghiệm cuộc sống hàng ngày để biết được văn hóa của người dân nơi đó. Chỗ ở là những ngôi nhà sàn gỗ tọa lạc giữa những khu vườn, bao gồm giường ngủ và phòng tắm. Du khách có thể ở một mình hay ở chung với những du khách khác. Mỗi ngôi làng Homestay nơi đây mang những nét độc đáo riêng trong cách thức tổ chức, đón chào và các hoạt động dành cho du khách như là: đi rừng, câu cá, cào mủ cao su, nhặt hoa quả, làm các sản phẩm thủ công, mỹ nghệ... Chính sách phát triển Chương trình homestay của Malaysia nhấn mạnh đến việc sử dụng nguồn lực có sẵn của ngôi làng, bảo tồn văn hóa, truyền thống và nghệ thuật của ngôi làng truyền thống. Với mỗi bang và địa phương, các hoạt động trải nghiệm cho du khách cũng khác nhau, phụ thuộc vào đặc thù của ngôi làng.

Bắt đầu được triển khai từ những năm 1980, đến nay loại hình du lịch này đã phát triển rộng rãi ở 13

bang trên toàn quốc. Tính đến cuối năm 2016, đã có tổng cộng 3.800 nhà nghỉ cộng đồng (homestay) tham gia chương trình, cung cấp 5.354 phòng.

2.3. Phát triển du lịch sinh thái ở Thái Lan

Sự phát triển nhanh chóng của du lịch đại quốc tế ở Thái Lan trong giai đoạn 1980-1990 chủ yếu tập trung ở du lịch đại chúng. Trong thiên niên kỷ mới, chính phủ Thái Lan đã nhận thấy tiềm năng của du lịch sinh thái trong việc bảo tồn thiên nhiên. Chính phủ Thái Lan đã xúc tiến phát triển du lịch sinh thái như một công cụ cho việc bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển địa phương. Chiến lược quốc gia về du lịch sinh thái đã được chuẩn bị từ năm 1994- 1998 và được ban hành năm 1998. Chính phủ Thái Lan đặt mục tiêu là một xã hội xanh và hạnh phúc, nhấn mạnh việc giải quyết khủng hoảng kinh tế và phát triển nguồn nhân lực thông qua việc sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên bền vững, nâng cao lợi thế cạnh tranh của quốc gia. Năm 1994, Tổ chức Dịch vụ Tình nguyện Thái Lan (TVS) đã đưa vào hoạt động chương trình du lịch mới: Chương trình du lịch Trách nhiệm (Responsible), sinh thái (Ecological), xã hội (Social) (REST), đưa cộng đồng đô thị đến các cộng đồng nông thôn. Ngoài việc cung cấp các chuyến tham quan học tập cho cộng đồng nông thôn, với các cộng đồng quan tâm, REST đã làm việc trực tiếp, đào tạo năng lực để họ có thể lập kế hoạch, giám sát và đưa ra các hoạt động du lịch cộng đồng. Sáng kiến phát triển "mỗi làng một sản phẩm" đã giúp du lịch của Thái Lan có thêm sức hấp dẫn đối với du khách. Các làng nghề được hỗ trợ về vốn, và tập huấn công nghệ, và cuối cùng là tiếp thị sản phẩm. Sau khi chương trình mỗi làng một sản phẩm được áp dụng, trong vòng hai năm chương trình đã đem lại 3,66 tỷ Bath (khoảng 84,2 triệu USD) lợi nhuận cho nông dân và thúc đẩy phát triển hoạt động du lịch nói chung và du lịch sinh thái văn hóa nói riêng ở các vùng sâu của Thái Lan (TAT, Report 2005).

Từ năm 2013, Thái Lan đã triển khai thêm các hoạt động gắn kết để cho phép du khách có cơ hội tham gia đóng góp cho xã hội như "Trồng rừng: Xây dựng lưu vực nước" để cung cấp một nguồn thức ăn màu mỡ cho các con voi hoang dã ở Kui Buri thuộc tỉnh Prachuap Khiri Khan và "Thong Thiao Wai Sai, Sai Chai Sing Waet Lom - Thanh niên Xanh" tại tỉnh Surin. Về phương diện văn hoá, TAT đã tham gia bảo tồn văn hoá và nghệ thuật Thái Lan trong nỗ lực xây dựng nhận thức về bản sắc khu vực và củng cố tiềm năng của Thái Lan như là địa điểm chính cho các sự kiện quốc tế bằng cách tổ chức và quảng bá các lễ hội truyền thống độc đáo của Thái Lan.

3. Một số giải pháp phát triển du lịch sinh thái Việt Nam

- Chính phủ cần xây dựng chiến lược phát triển du lịch sinh thái Việt Nam: Hầu hết các quốc gia ở Đông Nam Á đều có đều có chính sách phát triển du lịch

sinh thái cụ thể. Chiến lược quốc gia về du lịch sinh thái đã được Thái Lan chuẩn bị từ năm 1994- 1998 và được ban hành năm 1998. Myanmar gần đây đã xây dựng Chính sách du lịch sinh thái Myanmar và Chiến lược quản lý các khu bảo tồn giai đoạn 2015 — 2025; Campuchia đã phát triển chính sách du lịch sinh thái cấp quốc gia; Lào đã có Chiến lược phát triển du lịch sinh thái và xây dựng kế hoạch hành động du lịch sinh thái. Quy hoạch du lịch sinh thái hiện chỉ là một bộ phận trong quy hoạch phát triển du lịch nói chung của Việt Nam. Việc xây dựng chiến lược du lịch sinh thái sẽ giúp Việt Nam có được kế hoạch và định hướng hành động cụ thể trong việc phát triển du lịch sinh thái trên toàn lãnh thổ. Chiến lược du lịch sinh thái sẽ nghiên cứu môi trường, xác định mục tiêu, kế hoạch, phương thức thực hiện và định hướng, hướng dẫn cho các địa phương triển khai xây dựng, khai thác và phát triển du lịch sinh thái hiệu quả.

- Đầu tư kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật đặc thù cho phát triển du lịch sinh thái. Việt Nam cần có quy hoạch cụ thể cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng tuân thủ các nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái, tránh gây phá vỡ cảnh quan môi trường. Tại các khu du lịch sinh thái cần xây dựng thêm các trung tâm giáo dục và diễn giải môi trường cho cả khách du lịch và dân cư địa phương. Việc đầu tư quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật đặc thù cần có sự phối hợp chặt chẽ từ cấp quốc gia đến địa phương, tránh tình trạng địa phương triển khai không đúng, đến khi bộ ngành quản lý ở cấp quốc gia phát hiện thì việc triển khai đã can thiệp và xâm hại vào môi trường sinh thái tự nhiên, không thể khôi phục trạng thái ban đầu

- Giáo dục đào tạo, nâng cao vai trò của cộng đồng địa phương. Việt Nam cần phát triển các chương trình đào tạo cho các cộng đồng địa phương để nâng cao năng lực lập kế hoạch, giám sát và đưa ra các hoạt động du lịch cộng đồng. Người dân cũng cần được đào tạo để hiểu về thế mạnh tự nhiên của vùng mình, định hướng phát triển du lịch sinh thái của vùng, các cách làm du lịch văn minh, kỹ năng giao tiếp với khách du lịch, ngoại ngữ trong giao tiếp du lịch. Người dân địa phương cũng cần được giáo dục ý thức về việc bảo tồn thiên nhiên, tránh việc khai thác phá hoại, không bảo tồn, phát triển du lịch không bền vững.

- Khuyến khích phát triển dịch vụ nhà ở cộng đồng (homestay). Phát triển dịch vụ nhà ở cộng đồng (homestay) rất phù hợp với điều kiện văn hoá xã hội và kinh tế Việt nam. Phát triển dịch vụ này không đòi hỏi sử dụng quá nhiều nguồn lực kinh tế, phù hợp với văn hoá hiếu khách của người Việt Nam. Bên cạnh đó, Việt Nam có những bản sắc riêng về văn hoá sinh hoạt hàng ngày, các làng nghề sản xuất sản phẩm tại chỗ, các hoạt động trồng chọt chăn nuôi rất phù hợp với mô hình nhà ở cộng đồng.

- Kết hợp với các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ lữ hành trong việc phát triển du lịch sinh thái. Từ bài học

trong việc phát triển du lịch sinh thái ở Indonesia, có thể thấy vai trò quan trọng của các doanh nghiệp lữ hành trong việc phát triển du lịch sinh thái. Các địa phương có thể tận dụng tri thức của các doanh nghiệp lữ hành, kết hợp phát triển các chương trình du lịch sinh thái mang tính đặc trưng của địa phương, tạo sự khác biệt, lợi thế cạnh tranh cho địa phương mình, đồng thời tăng tính đa dạng trong du lịch sinh thái quốc gia. Việc kết hợp với các doanh nghiệp lữ hành trong việc quảng bá, xúc tiến thương mại cũng giúp địa phương tiết kiệm ngân sách, huy động nguồn vốn xã hội hoá, đồng thời triển khai đa dạng hoạt động và rộng rãi các loại hình và hình thức quảng bá tới các đối tượng khách hàng mục tiêu khác nhau.

4. Kết luận

Phát triển du lịch sinh thái đang trở thành xu hướng phát triển du lịch bền vững hiện nay ở nước ta nói riêng và cả thế giới nói chung. Các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á như Thái Lan, Indonesia và Malaysia đã triển khai khá thành công loại hình du lịch này với một số bài học Việt Nam có thể áp dụng. Việt Nam là một quốc gia có điều kiện khí hậu, tự nhiên, văn hoá xã hội nhiều tiềm năng để phát triển du lịch sinh thái. Việc phát triển du lịch sinh thái ở Việt Nam đã được triển khai nhiều năm trở lại đây nhưng vẫn còn quy mô nhỏ lẻ, thiếu quy hoạch tổng thể ở cấp quốc gia, chưa tạo được nhiều sản phẩm sinh thái đặc thù, công tác phát triển thị trường xúc tiến thương mại còn hạn chế, chưa có sự phát triển đồng bộ về cơ sở hạ tầng. Các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á như Thái Lan, Indonesia và Malaysia đã triển khai khá thành công loại hình du lịch này. Việt Nam có chọn lọc để phát triển du lịch sinh thái, bảo tồn thiên nhiên, văn hoá, du lịch bền vững./.

Tài liệu tham khảo

- Lê Thị Bích Thuận (2016). Du lịch Việt Nam, tiềm năng và thách thức. Tạp chí Văn hoá nghệ thuật (383).
- Norizan Md. Nor (2000) Nature Attractions in the Region. Paper presented at Seaceum 7 Seminar, 26-27 September 2000.
- Sapta Nirwabdar. (2009), Ecotourism in Indonesia[online]. [truy cập ngày 24/03/2018]. Tại <https://sustainabledevelopment.un.org/content/documents/4488Nirvandar.pdf>
- Siti Suriawati, I., Rashidi, H., and Mohd. Nizam, M.N. (2015). Adventure and ecotourism in Malaysia, 1st ed., Universiti Putra Malaysia
- Suansri, P., & Richards, P. (2013). A case study of community-based tourism in Thailand. In World Tourism Organization (Ed.), Domestic tourism in Asia and the pacific (pp. 529—551). Madrid: UNWTO.